

Bản án số: 325/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2024

“v/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh và ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 283/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2024 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 247/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 2002; Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1991; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/4/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, Nguyên nhân là do anh H không tin tưởng chị. Tháng 8/2022, anh H đi lao động tại Đài Loan. Vợ chồng sống xa cách nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Từ tháng 12/2022, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Chị và anh H sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị T không cung cấp được địa chỉ của anh H ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh H. Bà Nguyễn Thị D (là mẹ đẻ anh H) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H biết. Quan điểm của anh H là do vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân nhau từ năm 2023 đến nay nên chị T có đơn xin ly hôn, anh Hiệp đồng ý. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt. Anh H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn cơ bản chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị T ly hôn anh Phạm Văn H. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Phạm Văn H hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan; nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị T và gia đình anh H cung cấp địa chỉ, nhưng chị T và gia đình anh H không cung cấp được. Bà Nguyễn Thị D là mẹ đẻ anh H xác định anh H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, chị T có đơn xin ly hôn, anh H đã biết nhưng không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ

Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/4/2022 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T xác định vợ chồng chỉ chung sống cùng nhau một thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không tin tưởng chị. Tháng 8/2022, anh H đi lao động tại Đài Loan. Tháng 12/2022, chị T chuyển về nhà bố mẹ ở, vợ chồng sống ly thân, không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình anh H xác định vợ chồng không còn tình cảm và có quan điểm đồng ý ly hôn chị T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết

số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị T ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0000743 ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường An Lạc, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất